

NHỮNG LỜI HÁT DÂN DÃ VỀ CÁ, CHIM, HOA, TRÁI MIỀN NAM

Nguyễn Thị Kim Ngân *

Trong cuốn *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, mục viết về vè, Vũ Ngọc Phan có nhắc đến vè về các loài hoa trái, các loài cá, nhưng lại cho rằng thể vè chỉ “phổ biến ở miền Bắc và miền Trung”. Nhận định này chưa thỏa đáng, do tình hình tư liệu sưu tầm lúc ấy chưa đầy đủ[†]. Những công trình sưu tầm biên khảo về ca dao dân ca nói chung, đồng dao nói riêng gần đây đã thật sự mang lại cho chúng ta nhiều thú vị bất ngờ cùng một cái nhìn bổ sung: vè là thể loại văn học dân gian cũng rất phát triển ở miền Nam, đặc biệt là về vè về các loài cá, chim, hoa, trái, về các loài bánh, loài rau, các loài kiến,... và vè “nói ngợc”.

Riêng về vè cá, chim, hoa, trái tạo thành một mảng mang phong vị dân dã đặc sắc của miền Nam. Thực hiện bài viết này, tác giả muốn tìm hiểu, gọi ra một số đặc điểm nội dung, hình thức của mảng vè về cá, chim, hoa trái ở miền Nam.

Bước đầu, khảo sát 14 lời đồng dao in trong tập *Đồng dao Việt Nam* (sưu tầm, nghiên cứu, tuyển chọn) – Nguyễn Nghĩa Dân, NXB Văn học 2008, có tham khảo đối chiếu với 2 lời *Vè trái cây* và *Vè con cá* trong *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* của Vũ Ngọc Phan, NXB Khoa học Xã hội Hà Nội, tái bản lần thứ tám năm 1978, có thể nhận thấy một số đặc điểm đáng lưu ý sau đây của vè về cá, chim, hoa trái miền Nam.

1. Về vè cá, chim, hoa trái miền Nam thường dễ dàng chuyển thành đồng dao (những câu hát của trẻ em). Trong 14 lời (in trong tập *Đồng dao Việt Nam*)[‡] có 4 lời kể về các loài cá, 4 lời kể về các loài chim, 3 lời về các loài trái cây, 2 lời về các loài hoa và 1 lời về các loài rau.

* ThS. – Trường ĐHSB Tp. HCM

[†] Công trình in lần đầu năm 1956 (NXB Văn Sử Địa), và được tái bản nhiều lần. Cho đến năm 1977, tác giả chỉnh lý, bổ sung đưa vào lần thứ tám năm 1978 (NXB Khoa học Xã hội). Theo Vũ Ngọc Phan, trong điều kiện “nước nhà mới thống nhất được hai năm”, tác giả “chỉ mới sưu tầm thêm một ít ca dao dân ca miền Nam”.

[‡] Các dẫn liệu trích theo Nguyễn Nghĩa Dân (sưu tầm, nghiên cứu, tuyển chọn): *Đồng dao Việt Nam* – NXB Văn học 2008 đều được đánh số thứ tự. Các lời ca trong bài viết, mang mã số A31, A32, A46, A.110, A.132, A188, A190, A191, A192, A194, A213, A265, A275, A301 đều lấy từ tập sách này.

Chi mới là một góc thiên nhiên miền Nam được kể ra, được ghi vào tâm trí trẻ thơ qua những câu hát, đã thấy thiên nhiên sản vật phong phú, gần gũi như thế nào: Hơn hai trăm loài cá, khoảng bảy chục loài trái cây, chừng năm chục loài hoa, hơn bốn chục loài chim, và hàng chục loài rau. Đó quả là những lời ca dân dã về một thiên nhiên phong phú, tươi đẹp, thân thiện với con người.

2. Trong ca dao dân ca Việt Nam, về có thể được sáng tác theo thể lục bát, 5 chữ, 3 chữ, hoặc 4 chữ. Nhưng việc lựa chọn thể thơ nào để kể về thì tùy thuộc ở mỗi vùng miền. Ở khu vực miền Trung nước ta, nhất là vùng Nghệ Tĩnh, rất thịnh thể về 5 chữ. Các bài hát dặm về Nghệ Tĩnh rất được ưa chuộng trên vùng đất này đều thuộc thể 5 chữ như vậy: *Về chúc thọ Tự Đức năm mươi tuổi, Về đi lính, Về chồng chung, Về làm lễ, Về gái góa, Về nghĩa quân Bang Ninh hạ thành Hà Tĩnh, Về con dao*. Trong khi đó về về cá, chim, hoa trái, rau cỏ miền Nam hầu như chỉ sử dụng thể thơ 4 chữ. (Nói chính xác hơn là 4 chữ nếu tách dòng, 8 chữ nếu gộp dòng). Hẳn là do ưu thế của thể thơ này và một phần do “cá tính của người miền Nam”.

Mô hình bố cục đầy đủ của một bài về gồm ba phần (ba đoạn): *mào đầu, kể* và *kết*[§]. Chẳng hạn, lời bài *Về trái cây* trong *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* của Vũ Ngọc Phan, có *mào đầu*:

Nghe về nghe ve, nghe về trái cây.

Tiếp đến là phần *kể*:

Dây ở trên mây là trái đậu rồng

Có vợ có chồng là trái đu đủ...

Và, phần *kết*:

Nhưng chi lịch sự bằng táo với hồng.

Những gái chưa chồng muốn ăn mua lấy.

Thường không mấy khi các lời ca có đầy đủ ba phần. Nhiều trường hợp chỉ có phần *mào đầu* và phần *kể*.

[§] Khi xác định mô hình này, chúng tôi có tham khảo mô hình bố cục chung của đồng dao nói ngược Khánh Hòa, Phú Yên, do Nguyễn Thành Thi đề xuất trong *Đồng dao nói ngược ở Khánh Hòa, Phú Yên*, Văn hóa dân gian số 2/1998, tr. 47.

Dưới đây xin nêu một số ví dụ.

Lời A31:

- Mào đầu:

Cá biển cá đồng / Cá sông cá ruộng

- Kể:

Dân yêu dân chuộng / Là cá tràu ở

....

Cứ viết lách luôn / Là con cá chép...

Lời A32:

- Mào đầu: *Cá biển cá bầy*

- Kể:

Ăn ngày hai bữa / Là con cá cơm

....

Ăn chẳng biết no / Là con cá hóc.

Lời A194:

- Mào đầu:

Nghe về nghe ve / Về các loài cá

- Kể:

Cá kình, cá ngọc / Cá nác, cá dưa

...

Bông voi, út hoác / Cá chạc, cá mòi...

Thậm chí, nhiều trường hợp chỉ có phần kể. Ví dụ lời A213 không có mào đầu, vào bài là kể ngay về “cá com”, “cá ngát”:

No lòng phỉ dạ / Là con cá com

Không ướp mà thơm / Là con cá ngát

...

Kết thúc, vẫn là những câu *kể* (về “cá lòng tong”, “cá nhái”):

Dài lưng hẹp nách / Là cá lòng tong

Ốm yếu hình dong / Là con cá nhái.

Xuất phát từ chức năng của vè (trong đồng dao), sức *kể* (*kể* đúng, *kể* rõ, *kể* nhiều) của người hát rất được coi trọng. Vì thế, một bài vè thường *kể* ra không dưới 10 loài (cá, chim, hoa, trái). Và dĩ nhiên, *kể* được càng nhiều, càng thú vị thì càng đáng được tán thưởng.

Theo đó, mỗi lời ca đều cố gắng lập một “*kỉ lục*” nào đó.

Chẳng hạn:

- Về các loài chim: lời A46 *kể* được 10 loài, lời A132 *kể* được 23 loài, lời A191 *kể* 17 loài, lời A265 *kể* được 10 loài. Về các loài cá, lời A31 *kể* được 23 loài, lời A32 *kể* được 12 loài, lời A213 *kể* 10 loài. Đặc biệt lời A194 *kể* tới 228 loài cá.

- Về các loài trái cây, lời A110 *kể* 18 loài, lời A192 *kể* 26 loài, lời A301 *kể* 33 loài.

- Về các loài hoa và rau, lời A188 *kể* 28 loài hoa, lời A275 *kể* 37 loài hoa, lời A190 *kể* 13 loài rau.

Tiết tấu *kể* quen thuộc của các bài vè thường là tiết tấu tạo theo nhịp chẵn của thơ 4 chữ. Thường cứ 8 chữ *kể* xong một loài. Nhưng nhiều khi để *kể* được nhanh và nhiều loài hơn, lời *kể* có xu hướng co lại trong bốn chữ hoặc hai chữ, và một dòng thơ 4 chữ có thể *kể* được đến hai loài. Ví dụ lời A194 đã dùng 114 dòng thơ 4 chữ kiểu “*Cá kình, cá ngac/ Cá nác, cá dưa/ Cá voi cá ngựa/ Cá rựa, cá dao/...*” để *kể* được 228 loài cá.

Lời A301 cũng có những dòng thơ 4 chữ *kể* tới hai loài trái cây (*Cam ngọt cam sành/ Chuối già chuối ngự*)

3. Chức năng của vè là *kể*, nhưng nếu chỉ liệt kê thì vè kém mềm mại, hấp dẫn và kém về mặt thẩm mỹ. Người *kể* vè giỏi thường không chỉ biết, và nhớ được nhiều loài mà còn là người hóm hỉnh, nhanh, nhạy, phong phú về khả năng liên tưởng. Phẩm chất này rất cần để nắm bắt đặc điểm riêng của mỗi loài cá, chim, hoa trái.

Lời A275 dưới đây gồm 74 dòng 4 chữ, kể 37 loài hoa, cho thấy cách ví von liên tưởng của tác giả dân gian rất linh hoạt và không kém phần thú vị:

Trời làm hạn hán/ Nước biển mặn môi/ Vác móng mà soi/ Là hoa bông giéng/ Hay bay hay liệng/ Là hoa chim chim/ Xuống nước mà chìm/ Là hoa bông đá/ Làm bạn với cá/ là hoa san hô/ Cạo đầu đi tu/ Là hoa bông bụt/ Khói bay nghi ngút/ là hoa hoắc hương/ Nước chảy đẫm đường/ Là hoa mần tưới/ Đi ăn đám cưới/ Là các hoa dâu/ Muốn tắm ao sâu/ Là hoa muống biển/ Nói bậy đi kiện/ Là hoa mít nài/ Trèo cao có tài/ Là hoa cứt chuột/ Cây suôn đuồn đuột/ Là hoa cứt dê/ Đi học bỏ về/ Là hoa bông trón/ Ra trái chộn rộn/ Là hoa thầu dầu/ Khéo uốn lưỡi câu/ Là hoa ngành ngành/ Ăn vụng bị đánh/ Là hoa nhọ nôi/ Khốn khổ thân tôi/ Là hoa bồ ngót/ Giận ai chua xót/ là hoa trà giang/ Quần áo lang thang/ Là hoa mần giẻ/ Không già không trẻ/ Là hoa bạc đầu/ Thiên hạ tới cầu/ Là hoa bông lúa/ Hay làm hay múa/ Là hoa vòng tay/ Cho mượn cho vay/ Là hoa cam thảo/ Đêm nằm tỏ rõ/ Là bông hoa trắng/ Không nói không rằng/ Là hoa ngũ diếc/ Xanh xanh biêng biếc/ Là cái hoa chàm/ Đụng chút đã hờn/ Là hoa xấu hổ/ Vui chơi thông thả/ Là cái hoa chè/ Ăn nói lè nhè/ là hoa chùm rượu/ Rủ nhau bỏ củi/ Là hoa đầu riu/ Lo xé lo chiều/ Là hoa bông cái/ Rủ nhau làm vải? Là cái hoa bông/ Xuống quán ngồi không/ Là hoa bông chén/ Xuống rừng mè trên/ là hoa vôi vôi/ Rủ nhau bám nôi/ Là hoa bươm bươm/ Nhỏ mà khó lượm/ Là cái hoa mè/ Muốn đứng gần xe/ Là hoa vụn lý.

Tất nhiên, việc nhận diện, chỉ ra đặc điểm các loài hoa, thường ít khi mang lại những thông tin nhận thức có giá trị khoa học, mà chủ yếu vẫn là làm sao kể được về các loài hoa một cách tươi, hóm, thú vị. Cho nên có thể kết luận ngay: với tác phẩm về văn phải coi trọng tính thẩm mỹ. Và nhận thức ở đây, căn bản vẫn là nhận thức – thẩm mỹ. Đứng với đặc trưng của văn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bùi Mạnh Nhị (chủ biên) (1999), *Văn học dân gian Việt Nam - những công trình nghiên cứu*, NXB Giáo dục, TP HCM.
- [2]. Nguyễn Nghĩa Dân (2008), *Đồng dao Việt Nam* (sưu tầm, nghiên cứu, tuyển chọn), NXB Văn học.
- [3]. Nguyễn Thành Thi (1998), *Đồng dao nói ngược ở Khánh Hòa, Phú Yên*, Văn hóa dân gian, số 2.
- [4]. Nguyễn Thị Ngọc Diệp (2002), *Biểu tượng nghệ thuật trong ca dao truyền thống người Việt*, luận án Tiến sĩ ngữ văn, Trường ĐH Sư Phạm TP HCM.
- [5]. Nguyễn Thuý Loan, Đặng Diệu Trang (1997), *Đồng dao và trò chơi trẻ em người Việt*, NXB Văn hoá.
- [6]. Vũ Ngọc Phan (1978), *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội Hà Nội, tái bản lần thứ tám.

Tóm tắt

Những lời hát dân dã về cá, chim, hoa, trái miền Nam

Về về các loài cá, chim, hoa trái trong kho tàng ca dao dân ca miền Nam Việt Nam tạo thành một mảng khá phong phú, thú vị. Đó là những lời ca (thường là đồng dao) dân dã phản ánh cách cảm nhận về thiên nhiên sản vật miền Nam, mang những đặc điểm riêng trong cách ứng tác của người miền Nam. Những đặc điểm ấy bộc lộ qua cách lựa chọn, sử dụng thể thơ, cách bố cục kết cấu và các bài bản kĩ thuật kể về kèm theo.

Abstract

The folk songs about the fishes, birds, flowers, fruits in the South of Vietnam

Ve, a kind of folk song, about the species of fish, birds, fruit in the folk – song treasure in the South Vietnam, forms a very abundant and interesting part of Vietnamese folklore. Those are the folk songs (usually known as “*đồng dao*” (children’s songs)) which reflect the feelings of nature, the yields in the South Vietnam with individual characteristics in improvisation of “*ve*” by people in the South Vietnam. Those characteristics are expressed through the ways of choice and use of verses, lay-out literary composition, attached technical methods of “*telling a folk song*”.